

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08** /2026/DS-ST

Ngày: 23 – 01 - 2026

*V/v: tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huyền Diệu

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Minh Thành

2. Bà Cao Thị Hồng Châu

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2025/TLST - DS ngày 03 tháng 6 năm 2025; về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐST-DS ngày 23/12/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Q, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1 (C), xã E, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn:* Ông Thạch Ngọc T, sinh năm 1974 (có mặt), Lê Thị T1, sinh năm **1977** (vắng mặt)

3. Địa chỉ: Thôn 5 (C), xã E, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hồ Thị Q trình bày:*** Bà Q không có quan hệ họ hàng gì với vợ chồng bà Lê Thị T1 và ông Thạch Ngọc T, chỉ có mối quan hệ quen biết. Ngày 05/3/2022 (âm lịch) tức ngày 05/4/2022 (dương lịch) ông Thạch Ngọc T và bà Lê Thị T1 có vay của bà Q số tiền 200.000.000 đồng,

không thể chấp tài sản gì, mục đích vay để xoay sở việc gia đình. Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng 1%/tháng, khi nào cần lấy lại tiền bà Q báo trước 01 tháng nhưng phải trả trước tết âm lịch là ngày 26/12/2022 âm lịch trả cả gốc và lãi. Sau khi nhận tiền đầy đủ vợ chồng ông T và bà T1 có ký xác nhận nợ vào giấy vay tiền. Đến hạn bà T1 và ông T không trả được tiền gốc và lãi như đã thỏa thuận, do đã đòi nhiều lần nhưng không được nên bà Q khởi kiện yêu cầu ông T và bà T1 có trách nhiệm trả cho bà Q số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 1%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

***\* Bị đơn ông Thạch Ngọc T trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa trình bày:***

Ông xác nhận toàn bộ lời khai của bà Q là đúng sự thật, vợ chồng ông T có vay của bà Q số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đúng như bà Q trình bày. Nay do làm ăn khó khăn, sâu riêng trồng chưa có thu hoạch nên ông T xin bà Q cho trả dần, hàng năm trả cho bà Q 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, đề nghị bà Q cho xin khoản tiền lãi suất phát sinh không tính nữa.

Tại phiên tòa, bà Q và ông T thống nhất áp dụng mức lãi suất 10%/năm làm căn cứ tính lãi suất phát sinh, ông T xin bà Q cho trả dần cho đến khi hết nợ nhưng bà Q không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Thạch Ngọc T thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Bà Lê Thị T1 chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 119, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử.

Buộc ông Thạch Ngọc T, bà Lê Thị T1 phải trả cho bà Hồ Thị Q số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bà Hồ Thị Q khởi kiện yêu cầu ông Thạch Ngọc T, bà Lê Thị T1 trả 200.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất phát sinh là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Thạch Ngọc T, bà Lê Thị T1 cư trú tại thôn 5, xã EaTul, tỉnh Đắklăk trên nên căn cứ vào theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk.

Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số nợ: Ngày 05/3/2022 (âm lịch) tức ngày 05/4/2022 (dương lịch) ông T và bà T1 vay của bà Q số tiền 200.000.000 đồng, khoản vay có lãi nhưng giấy vay tiền không xác định cụ thể lãi suất, hạn trước tết âm lịch là ngày 26/12/2022.

Như vậy, việc ông T và bà T1 ký nhận nợ 200.000.000 đồng của bà Q là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015. Việc ông T và bà T1 không trả được nợ khi đến hạn như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, bà Q khởi kiện yêu cầu ông T và bà T1 trả nợ là có căn cứ, do đó cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q, buộc ông T và bà T1 có trách nhiệm trả nợ cho bà Q số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất: Theo giấy xác nhận công nợ, trong quá trình tố tụng, hai bên thừa nhận có thỏa thuận lãi suất phát sinh, ông T và bà T1 chưa trả được cho bà Q khoản tiền lãi suất nào. Tại phiên tòa ông T đồng ý trả cho bà Q đồng ý tính lãi suất phát sinh 10%/năm. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận cụ thể lãi suất phát sinh được tính đến ngày xét xử như sau:

- Từ ngày 05/4/2022 đến ngày xét xử 23/01/2026 là:

$200.000.000 \text{ đồng} \times 1389 \text{ ngày} \times 0.83\% : 30 \text{ ngày} = 76.858.000 \text{ đồng}$

Như vậy, bị đơn ông Thạch Ngọc T, bà Lê Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị Q cả gốc và lãi là 276.858.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là 200.000.000đ, tiền lãi suất phát sinh là 76.858.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là:  $276.858.000 \text{ đồng} \times 5\% = 13.843.000 \text{ đồng}$  (đã làm tròn). Bà Hồ Thị Q thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Q.

Buộc ông Thạch Ngọc T và bà Lê Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Q số tiền 276.858.000 đồng. Trong đó: nợ gốc là 200.000.000đ, tiền lãi suất phát sinh là 76.858.000 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**Về án phí:** Ông Thạch Ngọc T và bà Lê Thị T1 phải chịu 13.843.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

### Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS khu vực 3 – Đắk Lắk ;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Huyền Diệu**